TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 915/2024/HS-PT
Ngày: 13/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;
Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 956/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- *Bị cáo có kháng cáo*: Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 10/11/1984 tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi ở trước khi bị bắt: Khu 5a, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng tại Quyết định số 110 - QĐ/UBKTHU ngày 25/7/2023 của Huyện ủy T9, tỉnh Lai Châu; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Bá Y, (đã chết); con bà: Mai Thị T1, sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Hải Y1, sinh năm 1989 (đã ly hôn 17/4/2023) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 21/7/2023 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bùi Việt A và ông Đoàn Văn T2, đều là Luật sư - Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

- Trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị và 10 người làm chứng không triệu tập tham gia phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần G (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu là Doanh nghiệp ngoài Nhà nước. Nguyễn Thanh T là nhân viên bán hàng của Chi nhánh T10 tại địa chỉ khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu từ năm 2010. Ngày 01/3/2019, Nguyễn Thanh T được Công ty B phụ trách Chi nhánh kiêm bán hàng phân bón hóa học, giống cây trồng tại Chi nhánh T10. Trách nhiệm, quyền hạn của người phụ trách chi nhánh được thực hiện theo Điều 12 - Quy chế hoạt động của các phòng ban, đơn vị trực thuộc, ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2018 của Công ty, trong đó người phụ trách chi nhánh phải *"Thực hiện việc báo cáo theo định kỳ hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, hàng tháng phải nộp báo cáo về Phòng kế toán của Công ty. Nộp toàn bộ tiền hàng, tiền thu dân phát sinh về tài khoản của Công ty chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng. Bảo quản tốt hàng hóa, tài sản của Công ty giao và chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về hàng hóa, tài sản mà mình quản lý".*

Cuối năm 2020, Công ty phát hiện Nguyễn Thanh T có nhiều sai phạm trong hoạt động kinh doanh của Chi nhánh T10 trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020. Công ty đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin trao đổi yêu cầu báo cáo doanh thu cũng như làm rõ về số tiền đang bị thất thoát nhưng Nguyễn Thanh T luôn lẩn tránh, không hợp tác. Ngày 25/8/2021 Công ty đã làm việc yêu cầu Nguyễn Thanh T giải trình và khắc phục số tiền đã chiếm dụng của Công ty, Nguyễn Thanh T đã cam kết sẽ khắc phục và chịu trách nhiệm về sai phạm của bản thân và ký vào biên bản làm việc nhưng sau đó tiếp tục lẩn tránh, không hợp tác và không có biện pháp khắc phục hậu quả cho Công ty. Vì vậy, Công ty đã có đơn trình báo, cung cấp toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L để xác minh làm rõ, yêu cầu hoàn trả lại toàn bộ tiền đã chiếm đoạt của Công ty và đề nghị xử lý Nguyễn Thanh T theo quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra xác định từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2020, trong thời gian Nguyễn Thanh T giữ chức vụ Phó phụ trách Chi nhánh Than Uyên, đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty để sử dụng vào mục đích cá nhân như sau:

1. Chiếm đoạt tiền bán hàng có xuất hoá đơn:

+ Tiền bán mặt hàng phân bón (công nợ trên báo cáo): 362.414.600 đồng, gồm: Công ty cổ phần G 12.376.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0001896 ngày 10/10/2019); Công ty T11 chi nhánh E: 35.350.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0001889 ngày 30/7/2019 số tiền 15.400.000 đồng, Hóa đơn GTGT số 0001895 ngày 10/8/2019 số tiền 19.950.000 đồng); Huyện ủy Than Uyên 9.150.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0001946 ngày 20/9/2019 số tiền 3.800.000 đồng, Hóa đơn GTGT số 0001947 ngày 22/9/2019 số tiền 1.250.000 đồng, Hóa đơn GTGT số 0001948 ngày 25/9/2019 số tiền 4.100.000 đồng); Trung tâm D 37.800.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0002920 ngày 25/11/2020); Nguyễn Đức T3 9.200.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0002917 ngày 20/8/2020); Nùng Văn X 13.950.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0002919 ngày 20/9/2020); Vàng Văn H số tiền 80.302.000 đồng (Hóa đơn GTGT số 0002922 ngày 20/12/2020); Lê Văn T4 số tiền 164.286.600 đồng (Hóa đơn GTGT số 0002924 ngày 20/12/2020).

+ Số tiền tồn quỹ năm 2020 là 24.887.742 đồng: Từ tháng 02/2019 đến tháng 5/2019, Nguyễn Thanh T đã bán và thu được các khoản gồm ngày 11/2/2019 là 15.115.000 đồng, ngày 28/2/2019 là 17.110.000 đồng, ngày 29/3/2019 là 88.343.400 đồng, ngày 29/4/2019 là 9.375.000 đồng, ngày 30/5/2019 số tiền là 4.000.000 đồng; tổng cộng số tiền bán hàng thu được là 133.943.400 đồng; Nguyễn Thanh T đã nộp về Công ty 68.427.000 đồng, còn 65.516.000 đồng; tiền tồn quỹ năm 2018 chuyển sang là 991.342 đồng. Tính đến hết ngày 31/12/2020 khoản tiền tồn quỹ năm 2020 là 66.507.342 đồng nhưng được đối trừ số tiền 41.620.000 đồng (trong đó gồm 37.000.000 đồng Tâm nộp về C sau kiểm kê và 4.620.000 đồng tiền 66kg thóc 838 cô T5 được T trả về nhà cung cấp, được thể hiện trong sổ tay của T); do đó Nguyễn Thanh T phải chịu trách nhiệm đối với số tiền tồn quỹ năm 2020 bị thất thoát là 66.507.342 đồng - 41.620.000 đồng = 24.887.342 đồng.

Tổng số tiền bán hàng, bán hàng có xuất hoá đơn và tiền tồn quỹ là 362.414.600 đồng + 133.943.400 đồng + 991.342 đồng = 497.349.342 đồng; Nguyễn Thanh T đã nộp cho C1 số tiền là 68.427.000 đồng + 41.620.000 đồng = 110.047.000 đồng; C2 nhận đối trừ chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh T10 là 140.713.116 đồng (năm 2019) + 220.309.550 đồng (năm 2020) = 361.022.666 đồng. Số tiền còn lại 497.349.342 đồng - (110.047.000 đồng + 361.022.666 đồng) = 26.279.676 đồng Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

2. Chiếm đoạt số hàng hoá tại kho Than Uyên:

Theo báo cáo hàng tồn kho tháng 12/2020 của kho trung tâm Chi nhánh T10, số hàng hóa còn tồn kho có tổng trị giá là 653.181.900 đồng. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/02/2021, kho trung tâm Chi nhánh T10 vẫn do Nguyễn Thanh T quản lý nhưng đã tạm dừng hoạt động xuất, nhập kho. Ngày 28/02/2021, Công ty đã tiến hành kiểm tra, kiểm kê hàng hóa tồn kho. Tại thời điểm kiểm kê xác định, số hàng hóa tồn trong kho có trị giá 178.748.500 đồng. Sau khi đối chiếu giữa báo cáo hàng tồn kho tháng 12/2020 với số hàng hóa hiện còn trong kho tại thời điểm được kiểm kê thực tế ngày 28/02/2021 phát hiện số hàng hóa thất thoát, thiếu hụt có tổng giá trị là 474.433.400 đồng, gồm: Mặt hàng phân bón thiếu hụt 52.703 kg = 371.932.400 đồng; mặt hàng giống bán lẻ thiếu hụt 1.705 kg = 102.501.000 đồng. Tổng cộng số hàng hóa trong kho do mình trực tiếp quản lý Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt có trị giá là: 653.181.900 đồng - 178.748.500 đồng = 474.433.000 đồng.

3. Chiếm đoạt tiền do nhân dân đóng góp cùng Nhà nước thực hiện các gói thầu hỗ trợ giống ngô, lúa (tiền thu dân):

Năm 2019 và năm 2020, Công ty và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T ký hợp đồng các gói thầu hỗ trợ giống ngô, lúa trên địa bàn huyện T, trong đó có một phần kinh phí do Nhà nước hỗ trợ được Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T thanh toán chuyển khoản cho Công ty, phần còn lại do Công ty tự thu phần nhân dân đóng góp thông qua UBND các xã, thị trấn và số tiền này do Nguyễn Thanh T trực tiếp thu.

+ Tiền thu dân năm 2019, 2020 xuất hóa đơn năm 2020: 328.848.780 đồng: Tại buổi làm việc giữa Công ty với Nguyễn Thanh T ngày 08/02/2023, trên Biênđối chiếu công nợ tháng 01/2021 Công ty đã phân tích các khoản tiền thu dân năm 2019,

2020 xuất hóa đơn năm 2020 với Nguyễn Thanh T và có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thanh T xác định Chi nhánh T10 có trách nhiệm thu số tiền 590.026.980 đồng, trong đó Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T đã thu hộ 126.178.200 đồng (đã chuyển về Công ty), Công ty Đ cước vận chuyển vi sinh Nguyễn Thanh T6 năm 2019 là 115.000.000 đồng, tiền vật tư tồn cuối năm 2020 là 348.848.780 đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ xã M ngày 04/01/2021 thể hiện anh Lù Văn N (cán bộ địa chính xã M) đã nộp cho Nguyễn Thanh T số tiền là 76.000.000 đồng 02 gói giống (gói ngô Đông X1 và gói lúa Đông Xuân 2020 - 2021), Nguyễn Thanh T đã nhận 56.000.000 đồng (anh Lù Văn N trực tiếp đưa 29.000.000 đồng, nhờ Lê Văn C3 đưa 27.000.000 đồng), còn lại 20.000.000 đồng anh Lù Văn N trực tiếp đưa cho Nguyễn Thanh T nhưng không có người làm chứng, không có tài liệu chứng minh và Nguyễn Thanh T không thừa nhận nên không có cơ sở xác định Nguyễn Thanh T đã nhận số tiền này và số tiền này ngày 27/11/2023 anh Lù Văn N đã trực tiếp thanh toán cho Công ty. Do đó, số tiền Nguyễn Thanh T còn nợ Công ty là 328.848.780 đồng.

+ Tiền thu dân năm 2020 xuất hóa đơn năm 2021 là 57.775.000 đồng thuộc gói giống lúa Đông Xuân 2021 cấp cho xã P, huyện T: Nguyễn Thanh T khai nhận đã cấp giống thuộc gói giống này nhưng chưa thu tiền giống. Tuy nhiên, có 16/17 T7 bản (01 trưởng bản vắng mặt) thuộc xã P được cấp giống gói giống lúa Đông xuân năm 2021 và anh Thèn Văn K (cán bộ địa chính xã P phụ trách việc theo dõi cấp gói giống trên) đều khai 16 Trưởng bản đã đến kho trung tâm Chi nhánh T10 để nhận giống, trực tiếp thanh toán tiền và ký vào sổ cá nhân của Nguyễn Thanh T. Anh Thèn Văn K cũng xác nhận việc xã đã được nhận và thanh toán đủ tiền gói giống lúa Đông Xuân 2021 cho Nguyễn Thanh T (T khai sổ ghi chép quá trình cấp giống đã bị thất lạc). Căn cứ kết quả xác minh và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2022 giữa Công ty và UBND thị trấn T, xác định có số tiền 4.600.000 đồng Ủy ban nhân dân thị trấn T hiện còn nợ Công ty nên Nguyễn Thanh T không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền này. Như vậy, Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt khoản tiền thu dân năm 2019, 2020 của Công ty là: 328.848.780 đồng + 57.775.000 đồng - 4.600.000 đồng = 382.023.780 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt của Công ty của 03 khoản trên là: 26.279.676 đồng + 474.433.400 đồng + 382.023.780 đồng = 882.736.856 đồng.

- Với nội dụng trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HS-ST ngày 08/7/2024 và Thông báo sữa chữa, bổ sung bản án số 01/TB-SCBSBA ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 106, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 588, 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty cổ phần G, vật tư Lai C4 toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 882.736.856 đồng, khấu trừ 235.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào tài khoản Công ty giống, vật tư Lai C4; bị cáo còn phải bồi thường 647.736.856 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/7/2024, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với mức hình phạt 15 (mười lăm) năm tù bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thanh T giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng tội, không oan nhưng kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền thu dân và khoản tiền hàng hoá trong kho của Chi nhánh T10 kết luận bị cáo chiếm đoạt cho đúng để xét xử cho đúng pháp luật. Đối với khoản tiền bán hàng hoá có xuất có hoá đơn, bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt 26.279.676 đồng như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng. Đối với khoản tiền thu dân kết luận bị cáo chiếm đoạt 382.023.780 đồng thì trong đó có số tiền 330.400.000 đồng là tiền của bị cáo đã đưa cho chị Tạ Phương T8 để chuyển về Công ty, có hoá đơn ghi tên bị cáo là người nộp tiền. Đối với khoản tiền hàng tại kho trung tâm của Chi nhánh T10 kết luận bị cáo chiếm đoạt 474.433.400 đồng là không đúng vì bản kiểm kê hàng hoá tồn kho là không đúng với thực tế, không khách quan, không phù hợp với việc xuất - nhập hàng hoá của chi nhánh, do việc nhập - xuất hàng hoá đã lâu nên bị cáo không nhớ cụ thể chi tiết nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tính toán lại khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho đúng để xét xử bị cáo với mức hình phạt cho đúng pháp luật.

- Các Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và chỉ chỉ đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét kết luận số tiền bị cáo chiếm đoạt cho chính xác, tại phiên toà hôm nay bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên bản án sơ thẩm không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không đúng. Đối với số tiền thu dân kết luận bị cáo chiếm đoạt 328.848.780 đồng nhưng trong đó có số tiền 330.400.000 đồng là tiền của bị cáo đã đưa cho chị Tạ Phương T8 để chuyển về Công ty nên cần phải trừ số tiền này cho bị cáo. Đối với khoản tiền hàng tại kho Chi nhánh T10 kết luận bị cáo chiếm đoạt 474.433.400 đồng là dựa trên bản kiểm kê hàng hoá tồn kho nhưng biên bản kiểm kê này được lập phản ánh là không đúng với thực tế, không khách quan, không phù hợp với việc xuất - nhập hàng hoá của kho trung tâm Chi nhánh T10; căn cứ các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án thì chưa thể xác định được chính xác số tiền bị cáo chiếm đoạt là bao nhiêu. Bị cáo phạm tội có tính liên tục, không có cơ sở xác định các lần bị cáo phạm tội độc lập, số tiền kết luận bị cáo phạm tội đã được cộng dồn

và phải chịu trách nhiệm hình sự chung nên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự huỷ bản án sơ thẩm; trường hợp xét thấy không đủ cơ sở để huỷ bản án sơ thẩm thì đề nghị xác định lại số tiền bị cáo chiếm đoạt cho đúng để xét xử bị cáo cho đúng và xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo chỉ thừa nhận một phần hành vi phạm tội của mình không thành khẩn nhận tội nên bản án sơ thẩm không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là đúng. Đối với khoản tiền bán hàng có xuất hoá đơn 26.279.676 đồng, tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận là đúng. Đối với khoản tiền thu dân kết luận bị cáo chiếm đoạt, bị cáo cho rằng trong đó có số tiền 330.400.000 đồng đã đưa cho chị Tạ Phương T8 để chuyển về Công ty nhưng việc thu tiền dân và chuyển tiền cho Công ty là trách nhiệm của bị cáo, việc bị cáo nhờ chị Tạ Phương T8 thu tiền dân không liên quan đến hoạt động của Công ty, mặt khác sau khi thu tiền thì chị Tạ Phương T8 đã thanh toán cho Nguyễn Thanh T đầy đủ nên số tiền thu dân còn thiếu của Công ty thì Nguyễn Thanh T là người phải chịu trách nhiệm. Đối với khoản tiền hàng tại kho trung tâm Chi nhánh T10, theo báo cáo hàng tồn kho tháng 12/2020 của kho trung tâm Chi nhánh T10, số hàng hóa còn tồn trong kho có tổng trị giá là 653.181.900 đồng, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/02/2021 kho trung tâm Chi nhánh T10 vẫn do Nguyễn Thanh T quản lý nhưng đã tạm dừng hoạt động xuất - nhập kho, ngày 28/02/2021 Công ty thành lập Đoàn kiểm kê hàng hóa tồn kho tại kho trung tâm của Chi nhánh T10, sau khi đối chiếu giữa báo cáo hàng tồn kho tháng 12/2020 với số hàng hóa hiện còn trong kho được kiểm kê thực tế thì số hàng hóa thất thoát, thiếu hụt gồm phân bón thiếu hụt 52.703 kg = 371.932.400 đồng, giống bán lẻ thiếu hụt 1.705 kg = 102.502.000 đồng, tổng cộng giá trị là 474.433.400 đồng. Số tiền thiếu hụt, thất thoát của Công ty đã được lập Biên bản kiểm kê hàng hoá tồn kho kèm theo Biên bản làm việc ngày 08/02/2023 giữa Công ty và Nguyễn Thanh T, phù hợp với Biên bản kiểm kê hàng hoá tồn kho chốt số liệu kiểm kê đến ngày 31/12/2020, phù hợp với lời khai của các thành viên đoàn kiểm kê của Công ty, phù hợp với ghi chép tại sổ tay do anh Hoàng Đình H1 và chị Tạ Phương T8 báo cáo về hàng tồn kho tháng 12/2020, phù hợp với Bảng kiểm kê hàng hoá tồn kho nên có đủ căn cứ khẳng định Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt số hàng hoá tại kho trung tâm Chi nhánh T10 của Công ty có giá trị là 474.433.400 đồng. Bị cáo chiếm đoạt nhiều loại tiền kinh doanh của Công ty, thực hiện trong thời gian dài và có nhiều hành vi thực hiện tội phạm nên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T là trong thời hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tội danh, khung hình phạt, điều luật xét xử:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh T khai thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan nhưng đề nghị xem xét lại số tiền kết luận bị cáo chiếm đoạt cho đúng để xét xử bị cáo cho đúng pháp luật.

Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thanh T được bổ nhiệm làm Phó phụ trách Chi nhánh Than Uyên của Công ty cổ phần G, vật tư Lai Châu từ ngày 01/3/2019 đến ngày 31/12/2020. Theo Quy chế hoạt động của Công ty thì bị cáo là người chịu trách nhiệm mọi mặt trước Công ty về tổ chức và các hoạt động kinh doanh của Chi nhánh T10. Tuy nhiên, trong thời gian làm việc và thực hiện nhiệm vụ Phó phụ trách Chi nhánh T10, bị cáo thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, không chuyển đầy đủ các khoản tiền kinh doanh về cho Công ty theo quy định và đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

+ Đối với khoản tiền bán hàng có xuất hoá đơn: Năm 2019 và năm 2020 Nguyễn Thanh T đã bán hàng phân bón có xuất hoá đơn cho khách hàng tổng số tiền là 497.349.342 đồng, trong đó thu được 134.934.742 đồng tiền bán hàng năm 2018 chuyển sang 2019 và tiền bán hàng từ tháng 02 đến tháng 05/2019. Sau khi thu được tiền, Nguyễn Thanh T nộp về Công ty 110.047.000 đồng và chi phí cho hoạt động của Chi nhánh T10 tổng cộng là 361.022.666 đồng, số tiền còn lại 26.279.676 đồng Nguyễn Thanh T không chuyển cho Công ty mà đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân và khoản tiền này bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm kết luận bị cáo đã chiếm đoạt là đúng.

+ Đối với khoản tiền hàng tại kho trung tâm Chi nhánh T10: Nguyễn Thanh T là Phó phụ trách Chi nhánh T10 đồng thời là thủcủa khotrung tâm ChiThan Uyên. Theo báo cáo hàng tồn kho tháng 12/2020 của kho trung tâm Chi nhánh T10, số

hàng hóa còn tồn trong kho có tổng trị giá là 653.181.900 đồng. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 28/02/2021, kho trung tâm Chi nhánh T10 vẫn do Nguyễn Thanh T quản lý nhưng đã tạm dừng hoạt động xuất - nhập hàng hoá. Do việc thanh quyết toán tiền cho Công ty của Chi nhánh T10 có dấu hiệu vi phạm nên ngày 28/02/2021 Công ty thành lập Đoàn kiểm kê hàng hóa tồn kho tại kho trung tâm của Chi nhánh T10. Sau khi kiểm kê, đối chiếu giữa báo cáo hàng tồn kho tháng 12/2020 với số hàng hóa hiện còn trong kho tại thời điểm được kiểm kê thực tế thì số hàng hóa bị thất thoát, thiếu hụt gồm: Mặt hàng phân bón thiếu hụt 52.703 kg = 371.932.400 đồng, mặt hàng giống bán lẻ thiếu hụt 1.705 kg = 102.502.000 đồng, tổng cộng giá trị là 474.433.400 đồng. Tổng số tiền thiếu hụt, thất thoát của Chi nhánh T10 đã được Công ty lập Biên bản kiểm kê hàng hoá tồn kho, kèm theo là Biên bản làm việc ngày 08/02/2023 giữa Công ty với Nguyễn Thanh T (Bút lục số 1054 - 1057), phù hợp với Biên bản kiểm kê hàng hoá tồn kho chốt số liệu kiểm kê đến ngày 31/12/2020, phù hợp với lời khai của các thành viên đoàn kiểm kê của Công ty, phù hợp với ghi chép tại sổ tay do anh Hoàng Đình H1 và chị Tạ Phương T8 báo cáo về hàng tồn kho tháng 12 (Bút lục số 623 - 624), phù hợp với Bảng kiểm kê hàng hoá tồn kho (Bút lục số 546 - 547); có đủ căn cứ khẳng định Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt số hàng hoá tại kho trung tâm Chi nhánh T10 của Công ty có giá trị là 474.433.400 đồng.

+ Đối với khoản tiền thu dân: Theo quy định tại Quy chế hoạt động của Công ty với các phòng ban và chi nhánh thì phó chi nhánh phải có trách nhiệm nộp toàn bộ tiền hàng, thu dân phát sinh về Công ty chậm nhất ngày cuối cùng của tháng, do vậy trách nhiệm thu tiền dân là của Nguyễn Thanh T. Việc Nguyễn Thanh T phân công chị Tạ Phương T8 đi thu tiền dân không liên quan đến hoạt động của chi nhánh theo quy định của Công ty và sau khi thu tiền dân thì chị Tạ Phương T8 đã thanh toán đầy đủ cho Nguyễn Thanh T nên Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm chuyển tiền cho Công ty theo Quy chế hoạt động của Công ty. Đối với khoản tiền thu dân năm 2019 (xuất hoá đơn 2020): Theo Biên bản đối chiếu công nợ (Bút lục số 844) thì số tiền thu dân là 590.026.980 đồng thuộc trách nhiệm thu của Chi nhánh T10, trong đó Phòng Nông nghiệp và Phátnông thôn huyện T đã thu hộ 126.178.200 đồng và đã chuyển số tiền này cho Công ty, số tiền 115.000.000 đồng tiền vật tư thu (là khoản tiền Côngđối trừ cước vận chuyển vi sinh Tâmchi năm 2019), số tiền thu dân tồn cuối năm 2020 là 348.848.780 đồng đã được Nguyễn Thanh T xác nhận công nợ chưa chuyển về cho Công ty, trong số tiền này có số tiền 20.000.000 đồng của anh Lù Văn N khai đã thanh toán cho Nguyễn Thanh T nhưng không có tài liệu chứng minh và Nguyễn Thanh T không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận; do đó số tiền thu dân năm 2019 Nguyễn Thanh T chưa chuyển về cho Công ty và phải chịu trách nhiệm là 328.848.780 đồng. Đối với khoản tiền thu dân năm 2020 (xuất hoá đơn 2021) có số tiền thu dân của xã P là 57.775.500 đồng đã được Nguyễn Thanh T thu nhưng không nộp về cho Công ty, trong số tiền này có số tiền 4.600.000 đồng Ủy ban nhân dân huyện T chưa thanh toán nên số tiền thu dân năm 2020 Nguyễn Thanh T chưa chuyển về cho Công ty và phải chịu trách nhiệm là 53.175.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thanh T là P phụ trách Chi nhánh T10, là người chịu trách

nhiệm mọi mặt trước Công ty cổ phần G, vật tư Lai Châu về tổ chức và các hoạt động kinh doanh của Chi nhánh T10 nhưng đã lợi dụng quyền hạn được giao, thực hiện không đầy đủ việc chuyển các khoản tiền kinhcủa Chi nhánh Than Uyên về cho Công ty theo quy định, đã chiếm đoạt của Công ty tổng số tiền là 882.736.856 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử Nguyễn Thanh T về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình là có căn cứ pháp luật.

Các ý kiến trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo và của bị cáo Nguyễn Thanh T tại phiên toà phúc thẩm cho rằng bản án sơ thẩm kết luận bị cáo chiếm đoạt số tiền thu dân và khoản tiền hàng hoá tại kho trung tâm Chi nhánh T10 không đúng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nội dung xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh T:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, số tiền bị cáo chiếm đoạt là rất lớn nên phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế cho Công ty cổ phần G, vật tư L, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự - trị an, an toàn xã hội nên cần xét xử nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, chỉ đề nghị xem xét kết luận các khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho đúng để xét xử cho đúng theo quy định của pháp luật, như vậy là bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo Nguyễn Thanh T là có căn cứ pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc khắc phục hậu quả tội phạm của bị cáo. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng tình tiết giảm nhẹ này không có ý nghĩa đặc biệt so với hành vi phạm tội, hậu quả và việc khắc phục hậu quả của tội phạm nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh T.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thanh T đã chiếm đoạt của Công ty tổng số tiền 882.736.856 đồng, đã bồi thường được 235.000.000 đồng nên bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 647.736.856 đồng là có căn cứ pháp luật.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 200.000 án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0001269 ngày 18/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nên cần ghi nhận để bù trừ nghĩa vụ thi hành án về án phí cho bị cáo.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo

của bị cáo Nguyễn Thanh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2024/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; Điều 47; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; các Điều106, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 588, 589 Bộ luật Dân sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản".

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty cổ phần G, vật tư Lai C4 toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 882.736.856 đồng, khấu trừ 235.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào tài khoản Công ty cổ phần G, vật tư Lai C4; bị cáo Nguyễn Thanh T còn phải bồi thường 647.736.856 (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng) cho Công ty cổ phần G, vật tư Lai Châu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0001269 ngày 18/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Lai Châu;*
- *VKSND tỉnh Lai Châu;*
- *Cục THADS tỉnh Lai Châu;*
- *CA tỉnh Lai Châu;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;*
- *Huyện uỷ Than Uyên, Lai Châu;*
- *Bị cáo (qua Trại T. giam);*
- *Lưu HSVA, HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng